

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ đơn đề nghị rút yêu cầu phản tố ngày 16/12/2025 của bà Ng T T;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về Tranh chấp chia di sản thừa kế;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án ngày 16/12/2025 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Việc bị đơn bà Ng T T rút yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Ng T T.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ng T M, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ dân phố B, xã G, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Bà Ng T T, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn Đ, xã P, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đ T T, sinh năm 1953

Nơi thường trú: thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

2. Anh Đ Th T, sinh năm 1979

3. Chị Ng T T, sinh năm 1983

4. Cháu Đ T N K, sinh năm 2009 do anh T và chị Th là đại diện theo pháp luật.

5. Cháu Đ T N, sinh năm 2004

Anh T, chị Th, cháu N, cháu K cùng cư trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố Hà Nội

6. Anh Đ T Đ, sinh năm 1982

Nơi thường trú: thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác nhận cụ Ng V T và cụ L T T là vợ chồng. Cụ T và cụ T chỉ sinh được 02 người con chung là bà Ng T M và bà Ng T T. Cụ Ng V T chết năm 1960 không để lại di chúc. Cụ L T T chết năm 2011 không để lại di chúc.

2.2. Di sản của cụ Ng V T và cụ L T T là quyền sử dụng 300m² đất ở và 41 m² đất vườn thuộc thửa đất số A tờ bản đồ Đ có địa chỉ tại xóm Q, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (Nay là xã P, thành phố Hà Nội) đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W345259 theo Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 03/12/2003 cho hộ gia đình cụ L T T.

2.3. Các đương sự thống nhất phân chia di sản thừa kế của cụ Ng V T và cụ L T T như sau:

2.3.1 Giao cho bà Ng T T được quyền sử dụng toàn bộ 300m² đất ở và 41 m² đất vườn thuộc thửa đất số A tờ bản đồ Đ có địa chỉ tại xóm Q, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (Nay là xã P, thành phố Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W345259 cấp ngày 03/12/2003 cùng toàn bộ tài sản có tại thửa đất trên.

2.3.2 Bà Ng T T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ng T M số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng. Xác nhận bà Ng T T đã thanh toán xong cho bà Ng T M số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

2.3.3 Bà Ng T T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3.4 Bà Ng T M không còn quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số A tờ bản đồ Đ có địa chỉ tại xóm Q, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (Nay là xã P, thành phố Hà Nội).

2.4 Về chi phí tố tụng: Bà Ng T M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu bà Ng T T phải chịu.

2.5 Về án phí: Bà Ng T M và bà Ng T T là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Ng T T do các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hoàn trả bà Ng T T số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai ký hiệu BLUT/25E số 0016520 ngày 14/11/2025.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hương